

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3822/UBND-KT
V/v triển khai xây dựng
kế hoạch tín dụng chính sách
năm 2020 và giai đoạn
2020-2022

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 7 năm 2019

Kính gửi:

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,
Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng,
Nông nghiệp và PTNT, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Trên cơ sở hướng dẫn về xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2020 và giai đoạn 2020-2022 của Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương tại Công văn số 4000/NHCS-KHNV ngày 02/7/2019 (*bản chụp đính kèm*); xét đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh tại Công văn số 1230/NHCS-KHTD ngày 02/7/2019, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao UBND và Ban đại diện HĐQT NHCSXH các huyện, thành phố chỉ đạo UBND cấp xã khẩn trương xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2020 và giai đoạn 2020-2022 đến từng thôn, tổ dân phố; trên cơ sở đó, rà soát, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh (qua chi nhánh NHCSXH tỉnh) trước ngày 12/7/2019.

2. Trên cơ sở kế hoạch tín dụng của các huyện, thành phố, giao Chi nhánh NHCSXH chủ trì, phối hợp các sở ngành có liên quan và các Hội đoàn thể nhận ủy thác tổng hợp rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch năm 2020 và giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương tại văn bản nêu trên; kịp thời trình UBND tỉnh và Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh xem xét phê duyệt và báo cáo NHCSXHTW trước ngày 25/7/2019.

Yêu cầu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh và Thủ trưởng Sở ban ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh (qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh) xem xét tiếp tục chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Các Hội: Nông dân, Phụ nữ,
Cựu chiến binh và Tình Đoàn;
- VPUB: CVP, PCVP (KT), TH, CBTH;
- Lưu VT, KTan02.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4000/NHCS-KHN

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2019

V/v xây dựng kế hoạch tín dụng
năm 2020 và giai đoạn 2020-2022.

Kính gửi:

- Giám đốc Sở giao dịch NHCSXH;
- Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-TTg ngày 10/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc về việc ban hành Quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH, Quyết định số 1026/QĐ-NHCS ngày 29/3/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 86/QĐ-NHCS;

Tổng Giám đốc yêu cầu Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố triển khai xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2020 và giai đoạn 2020-2022 theo các nội dung như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2019 VÀ GIAI ĐOẠN 2016-2018.

1. Tổ chức đánh giá sát thực, đúng thực chất tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng 6 tháng đầu năm và ước thực hiện đến 31/12/2019 theo chỉ tiêu kế hoạch được giao; kết quả thực thực hiện kế hoạch tín dụng giai đoạn 2016-2018.

2. Phân tích những thuận lợi, khó khăn; những nguyên nhân chủ quan, khách quan của những tồn tại, hạn chế trong việc xây dựng, điều hành và thực hiện kế hoạch tín dụng giai đoạn 2016-2018 và năm 2019 trên địa bàn.

3. Các giải pháp để triển khai thực hiện tốt kế hoạch tín dụng năm 2020 và những năm tiếp theo.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN 2020-2022

Việc triển khai xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2020, giai đoạn 2020-2022 yêu cầu Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014, Quyết định số 1026/QĐ-NHCS ngày 29/3/2017

của Tổng Giám đốc; phù hợp với Chiến lược phát triển NHCSXH giai đoạn 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 852/QĐ-TTg ngày 10/7/2012, kế hoạch tín dụng 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 của đơn vị đã xây dựng và mục tiêu, nghị quyết phát triển kinh tế- xã hội, các đề án, chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới của địa phương. Từ đó dự báo, xác định khả năng huy động vốn, nhu cầu vốn của từng chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn. Trong quá trình xây dựng, tổng hợp chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2020, giai đoạn 2020-2022 cần lưu ý một số nội dung sau:

1. Đối với chỉ tiêu kế hoạch huy động vốn

Chỉ tiêu huy động vốn được xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu sau:

a) Kế hoạch huy động tiền gửi của tổ chức và cá nhân (bao gồm cả số dư huy động tiền gửi tại Điểm giao dịch xã, tiền gửi ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Quyết định số 1465/QĐ-TTg và tiền gửi tiết kiệm khi vay vốn nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP).

b) Kế hoạch nguồn vốn nhận ủy thác tại địa phương để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn (bao gồm nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương và nguồn vốn của các chủ đầu tư khác ủy thác).

2. Đối với chỉ tiêu kế hoạch dư nợ

a) Quy định chung

- Kế hoạch tín dụng được xây dựng từ NHCSXH cấp huyện trên cơ sở tổng hợp nhu cầu tín dụng chính sách của các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã), tổng hợp cấp huyện làm căn cứ để xây dựng kế hoạch tín dụng cấp tỉnh, đảm bảo phản ánh đúng nhu cầu thực tế về vốn tín dụng của các đối tượng thụ hưởng chính sách. Các đơn vị không được tự ý xây dựng kế hoạch dư nợ các chương trình tín dụng mà không xuất phát từ nhu cầu thực tế, khả năng nguồn vốn, khả năng tổ chức thực hiện làm ảnh hưởng đến việc xây dựng, tổng hợp cân đối kế hoạch tín dụng của toàn hệ thống cũng như quá trình triển khai cho vay sau này.

- Rà soát, tổng hợp toàn bộ nợ quá hạn, nợ đến hạn và dự kiến kế hoạch thu hồi nợ trong các năm 2020, năm 2021 và năm 2022 để xác định nguồn vốn sử dụng cho vay quay vòng đối với những đối tượng có nhu cầu mà chưa được vay vốn, nâng suất đầu tư đối với những đối tượng còn thuộc diện thụ hưởng chính sách, còn dư nợ nhưng dư nợ thấp, từ đó xác định chỉ tiêu kế hoạch dư nợ tăng trưởng hàng năm của từng chương trình tín dụng chính sách; chủ động gắn việc xây dựng, thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng giai đoạn 2020-2022 với công tác củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng trên địa bàn.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan: Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Nông nghiệp và phát triển nông

thôn, Thống kê, Dân tộc... để nắm bắt các thông tin liên quan làm cơ sở cho việc xây dựng, tổng hợp chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2020, giai đoạn 2020-2022.

b) Khi xây dựng chỉ tiêu kế hoạch dư nợ cho từng chương trình tín dụng các chi nhánh xác định cụ thể nhu cầu vốn cho đối tượng thụ hưởng của từng chương trình, như:

- Chương trình tín dụng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: Rà soát, thống kê, phân tích nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên cơ sở số hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020; số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo rà soát hàng năm theo Thông tư 17/2016/TT-BLĐTBXH; dự kiến số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo năm 2019; số hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn, số hộ mới thoát nghèo chưa được vay vốn có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn năm kế hoạch; số hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn, hộ thoát nghèo đang còn dư nợ có nhu cầu nâng mức đầu tư; số hộ nghèo, hộ cận nghèo đã thoát nghèo đang còn dư nợ đến hạn/chưa đến hạn trả nợ trong năm kế hoạch; số hộ cận nghèo (hộ nghèo đã thoát nghèo) đang còn dư nợ chương trình cho vay hộ nghèo có dư nợ đến hạn/chưa đến hạn trả nợ trong năm kế hoạch từ đó xác định nhu cầu vốn tăng/giảm đối với từng chương trình.

- Chương trình tín dụng học sinh sinh viên: Dự kiến kết quả cho vay, thu nợ đến cuối năm 2019 bao gồm kết quả cho vay, thu nợ học kỳ II năm học (2018-2019) và học kỳ I năm học (2019-2020); dự kiến dư nợ chương trình tín dụng học sinh sinh viên năm kế hoạch trên cơ sở phân tích doanh số cho vay, doanh số thu nợ trong từng kỳ, nợ đến hạn trong năm, số học sinh sinh viên còn dư nợ tại NHCSXH, số học sinh sinh viên ra trường trong năm không còn tiếp tục nhận vốn vay, số học sinh sinh viên đang theo học tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề trên địa bàn, dự kiến số học sinh sinh viên năm kế hoạch có nhu cầu vay vốn, từ đó xác định nhu cầu vốn tăng/giảm đối với chương trình.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Dự kiến số hộ gia đình khu vực nông thôn chưa được sử dụng nước sạch, chưa có công trình vệ sinh hợp vệ sinh, có nhu cầu vay vốn; dự kiến số vốn thu hồi nợ đến hạn cho vay quay vòng, khả năng thực hiện trong năm kế hoạch để xây dựng chỉ tiêu kế hoạch dư nợ.

- Chương trình hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn, căn cứ số xã thuộc vùng khó khăn theo quy định, số hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thuộc các xã tại vùng khó khăn và thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn có nhu cầu vay vốn trong năm kế hoạch; dự kiến số vốn thu hồi nợ đến hạn cho vay quay vòng, khả năng thực hiện trong năm kế hoạch để xây dựng chỉ tiêu kế hoạch dư nợ năm 2020 và giai đoạn 2020-2022.

- Chương trình cho vay vốn Quỹ quốc gia về việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ: căn cứ đề án đã được UBND

tinh phê duyệt, Dự kiến số lao động có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, trong đó số lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ; dự kiến số vốn thu hồi nợ đến hạn cho vay quay vòng, vốn uỷ thác của NSDP chuyển sang, để xây dựng chỉ tiêu kế hoạch dư nợ vốn trung ương năm 2020, giai đoạn 2020-2022.

- Các chương trình cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Quyết định số 365/QĐ-NHNN, Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 1465/QĐ-TTg, Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg và Nghị định số 61/2015/NĐ-CP: Dự kiến số lao động thuộc đối tượng theo các văn bản nêu trên có nhu cầu đi xuất khẩu lao động; dự kiến số vốn thu hồi nợ đến hạn cho vay quay vòng, để xây dựng chỉ tiêu kế hoạch dư nợ.

- Đối với các chương trình: cho vay hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg; cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP; cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg; khi xây dựng kế hoạch dư nợ đối với các chương trình tín dụng này, chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh căn cứ Đề án, dự toán - thiết kế của cấp thẩm quyền...; chủ động phối hợp với cơ quan quản lý chương trình, đề án tại địa phương, đánh giá, rà soát, khả năng nguồn vốn, khả năng thực hiện, xác định chỉ tiêu kế hoạch cụ thể trong năm kế hoạch.

- Đối với các chương trình: Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP; cho vay đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg, cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long khi xây dựng kế hoạch dư nợ đối với các chương trình tín dụng này, chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh chủ động phối hợp với cơ quan quản lý chương trình, đề án tại địa phương rà soát, có kế hoạch cụ thể trong năm kế hoạch.

- Đối với các chương trình: Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg (QĐ 32/2007/QĐ-TTg); cho vay đồng bào dân tộc thiểu số vùng đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg (QĐ 74/2008/QĐ-TTg); cho vay đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 755/QĐ-TTg; cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg đã hết thời gian thực hiện, chi nhánh xây dựng bằng dư nợ ước thực hiện đến cuối năm 2019 trừ đi nợ đến hạn thu được trong từng năm sau đó.

(Những nội dung yêu cầu nêu tại tiết b, điểm 2, mục II văn bản này yêu cầu phân tích rõ trong bản thuyết minh kế hoạch tín dụng năm 2020, giai đoạn 2020-2022)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố báo cáo chủ trương xây dựng Kế hoạch tín dụng năm 2020 và giai đoạn 2020-2022 với Ủy ban nhân dân,

Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp tỉnh để chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện.

a) Cán bộ tín dụng được phân công theo dõi địa bàn xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã xác định nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách của xã được phân công theo dõi, chi tiết đến từng cấp thôn (theo Biểu số 01A/NHCS-KH và Biểu số 01B/NHCS-KH đính kèm).

b) Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu vay vốn tín dụng chính sách trên địa bàn, NHCSXH cấp huyện phối hợp với các bên liên quan xây dựng kế hoạch tín dụng của huyện (theo Biểu số 02A/NHCS-KH, Biểu số 02B/NHCS-KH đính kèm) trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp huyện phê duyệt gửi chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố tổng hợp theo quy định.

2. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, sau khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, trên cơ sở tổng hợp kế hoạch tín dụng từ cấp huyện, NHCSXH cấp tỉnh phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch tín dụng của chi nhánh (theo Biểu số 02A/NHCS-KH, Biểu số 02B/NHCS-KH đính kèm), kèm theo thuyết minh kế hoạch trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp tỉnh phê duyệt gửi về Hội sở chính (qua Ban Kế hoạch nguồn vốn) trước ngày 25/7/2019.

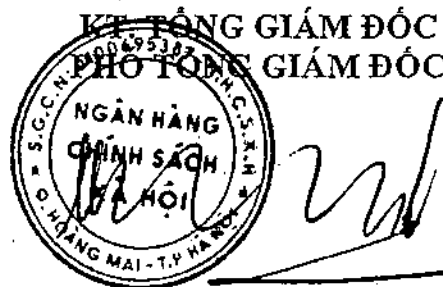
Biểu số liệu kế hoạch tín dụng năm 2020 và giai đoạn 2020-2022 gửi về Hội sở chính (qua Ban Kế hoạch nguồn vốn) theo địa chỉ mail: kehoachnguồnvon@vbsp.vn, với tiêu đề "kế hoạch tín dụng năm 2020" định dạng tên file KHTD2020_nn.xls (trong đó nn là mã chi nhánh).

Nhận được công văn này, yêu cầu Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện. Nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Ban Kế hoạch nguồn vốn báo cáo Tổng Giám đốc xem xét, quyết định./



Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT NHCSXH;
- Tổng Giám đốc NHCSXH; } (để báo cáo)
- Trưởng BKS NHCSXH;
- Các Phó TGD, KTT;
- Các Ban CMNV tại HSC;
- Lưu: VT, KHN (Tùng).



Bui Quang Vinh

TT	CHỈ TIÊU	Tổng số	Trong đó:						
			Thôn A	Thôn B	Thôn C	Thôn ...	Thôn ...	Thôn ...	Thôn ...
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19	Cho vay đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg								
20	Cho vay nhà ở xã hội theo NĐ 100/2015/NĐ-CP								
21	Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo NĐ 75/2015/NĐ-CP								
22	Cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg								
23	Cho vay thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965-1975								
24	Cho vay các đối tượng chính sách khác								
B	THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU (Dự kiến năm kế hoạch)								
1	Số hộ dân cư trú trên địa bàn								
T.đó:	Số hộ dân là hộ đồng bào dân tộc thiểu số								
2	Số hộ nghèo theo chuẩn hộ nghèo giai đoạn (2016-2020)								
3	Số hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn (2016-2020)								
4	Số hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2016-2017								
5	Số hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn								
6	Số thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn								
7	Tổng số HSSV theo học các Trường ĐH, CĐ, THCN và dạy nghề								
8	Tổng số lao động có nhu cầu đi lao động có thời hạn ở nước ngoài								
9	Số hộ nghèo có nhu cầu vay vốn làm nhà ở theo QĐ 33/2015/QĐ-TTg								
10	Số lao động dự kiến được thu hút từ vay vốn giải quyết việc làm								
11	Số công trình NS&VSMNT NT dự kiến được xây dựng từ nguồn vốn vay NHCSXH								
...								

- Ghi chú:
1. Nhu cầu vay vốn tín dụng chính sách: thống kê dư nợ của toàn xã đến hết năm kế hoạch
 2. Thôn, xóm, bản, ấp gọi chung là thôn.
 3. Số thứ tự 23 mục A thống kê cho vay các đối tượng chính sách khác: ghi rõ chương trình, dự án (nếu có)

CÁN BỘ TÍN DỤNG THEO DỐI ĐỊA BÀN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm
CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Ký tên, đóng dấu)

Chung

KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2020

Đơn vị: triệu đồng, %, hộ, người

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện đến 31/12/2018	Ước thực hiện đến 31/12/2019	Kế hoạch tín dụng năm 2020		
				Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2019	
					Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)
1	2	3	4	5	6	7
I	NGUỒN VỐN					
A	NGUỒN VỐN CÁN ĐỐI TỬ TRUNG ƯƠNG					
1	Nguồn vốn cán đối chuyển từ Trung ương					
II	Nguồn vốn huy động tại địa phương được TW cấp bù lãi suất					
1	Tiền gửi của tổ chức, cá nhân					
T.đ:	Tiền gửi tại Điểm giao dịch xã					
	Tiền gửi kỳ quỹ đi lao động tại Hàn Quốc					
	Tiền gửi tiết kiệm khi vay vốn nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP					
2	Tiền gửi của Tổ viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn					
B	NGUỒN VỐN NIÊN ỦY THÁC ĐẦU TƯ TẠI ĐỊA PHƯƠNG					
T.đ:	Nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương					
	Nguồn vốn nhận ủy thác của các chủ đầu tư khác					
II	SỬ DỤNG VỐN					
A	ĐỢI NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG					
1	Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP					
2	Cho vay hộ cận nghèo theo QĐ 15/2013/QĐ-TTg					
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg					
4	Cho vay học sinh, sinh viên theo QĐ 157/2007/QĐ-TTg					
5	Cho vay vốn Quỹ quốc gia về việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP					
6	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Quyết định số 365/QĐ-NHNN, Quyết định số 1465/QĐ-TTg, Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg và Nghị định số 61/2015/NĐ-CP					
T.đ:	Cho vay để ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc					
7	Cho vay xuất khẩu lao động tại huyện nghèo theo QĐ 71/2009/QĐ-TTg					
8	Cho vay Chương trình NS&VSMT NT theo QĐ 62/2004/QĐ-TTg					
9	Cho vay hộ gia đình SXKD tại VKK theo QĐ 31/2007/QĐ-TTg					
10	Cho vay mua trà chậm nhà ở vùng ĐBSCL và Tây Nguyên					
11	Cho vay xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ ĐBSCL giai đoạn 2018-2020 (QĐ 714/QĐ-TTg)					
12	Cho vay hộ đồng bào DTTS ĐBKK theo QĐ 54/2012/QĐ-TTg (QĐ 32/2007/QĐ-TTg)					
13	Cho vay đồng bào DTTS vùng ĐBSCL theo QĐ 29/2013/QĐ-TTg (QĐ 74/2008/QĐ-TTg)					
14	Cho vay đồng bào DTTS theo QĐ 755/QĐ-TTg					
15	Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 167/2008/QĐ-TTg					
16	Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 33/2015/QĐ-TTg					
17	Cho vay thương nhân tại VKK theo QĐ 92/2009/QĐ-TTg					
18	Cho vay hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung theo QĐ 48/2014/QĐ-TTg					
19	Cho vay đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg					
20	Cho vay nhà ở xã hội theo ND 100/2015/NĐ-CP					
21	Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo ND 75/2015/NĐ-CP					
22	Cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg					
23	Cho vay thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965-1975					
24	Cho vay một số dự án vốn nước ngoài khác					
	- Cho vay dự án IFAD					
	- Cho vay dự án RJD					
T.đ:	- Cho vay Phát triển DN vừa và nhỏ (Dự án KFW)					

Handwritten signature or mark.

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện đến 31/12/2018	Ước thực hiện đến 31/12/2019	Kế hoạch tín dụng năm 2020		
				Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2019	
					Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)
1	2	3	4	5	6	7
	- Cho vay Phát triển ngành Lâm nghiệp (Dự án FSDP)					
	- Cho vay dự án HIV/AIDS					
	- Cho vay dự án NIPPON (Mở rộng tài chính cho người khuyết tật)					
25	Cho vay các đối tượng chính sách khác					
B	DỰ NỢ NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG					
1	Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP					
2	Cho vay hộ cận nghèo theo QĐ 15/2013/QĐ-TTg					
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg					
4	Cho vay học sinh, sinh viên theo QĐ 157/2007/QĐ-TTg					
5	Cho vay vốn Quỹ quốc gia về việc làm theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP					
6	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Quyết định số 365/QĐ-NHNN, Quyết định số 1465/QĐ-TTg, Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg và Nghị định số 61/2015/NĐ-CP					
T.đó:	Cho vay để ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc					
7	Cho vay xuất khẩu lao động tại huyện nghèo theo QĐ 71/2009/QĐ-TTg					
8	Cho vay Chương trình NS&VSMT NT theo QĐ 62/2004/QĐ-TTg					
9	Cho vay hộ gia đình SXKD tại VKK theo QĐ 31/2007/QĐ-TTg					
10	Cho vay mua trà chèm nhà ở vùng ĐBSCL và Tây Nguyên					
11	Cho vay xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ ĐBSCL giai đoạn 2018-2020					
12	Cho vay hộ đồng bào DTTS ĐBK theo QĐ 54/2012/QĐ-TTg (QĐ 32/2007/QĐ-TTg)					
13	Cho vay đồng bào DTTS vùng ĐBSCL theo QĐ 29/2013/QĐ-TTg (QĐ 74/2008/QĐ-TTg)					
14	Cho vay đồng bào DTTS theo QĐ 755/QĐ-TTg					
15	Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 167/2008/QĐ-TTg					
16	Cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 33/2015/QĐ-TTg					
17	Cho vay thương nhân tại VKK theo QĐ 92/2009/QĐ-TTg					
18	Cho vay hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung theo QĐ 48/2014/QĐ-TTg					
19	Cho vay đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg					
20	Cho vay nhà ở xã hội theo NĐ 100/2015/NĐ-CP					
21	Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo NĐ 75/2015/NĐ-CP					
22	Cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg					
23	Cho vay thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965-1975					
24	Cho vay các đối tượng chính sách khác					
C	QUỸ AN TOÀN CHI TRẢ					
III	THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU					
1	Số hộ nghèo theo chuẩn giai đoạn (2016-2020)					
-	Số hộ nghèo đang còn dư nợ NHCSXH					
-	Số hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn nhưng chưa được vay vốn NHCSXH					
2	Số hộ cận nghèo theo chuẩn giai đoạn (2016-2020)					
-	Số hộ cận nghèo đang còn dư nợ NHCSXH					
-	Số hộ cận nghèo đủ điều kiện vay vốn nhưng chưa được vay vốn NHCSXH					
3	Số hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2016-2017					
4	Số hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn trên địa bàn					
-	Số hộ gia đình SXKD đang còn dư nợ NHCSXH					
-	Số hộ gia đình SXKD đủ điều kiện vay vốn nhưng chưa được vay vốn NHCSXH					
5	Tổng số HSSV theo học các Trường ĐH, CĐ, THCN và dạy nghề					
-	Số HSSV đang còn dư nợ NHCSXH					
6	Số lao động có nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm					
-	Số lao động được vay vốn giải quyết việc làm trong năm					
7	Tổng số lao động có nhu cầu vay vốn đi lao động có thời hạn ở nước ngoài					

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện đến 31/12/2018	Ước thực hiện đến 31/12/2019	Kế hoạch tái dựng năm 2020		
				Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2019	
					Số tuyệt đối (+/-)	Số tương đối (%)
1	2	3	4	5	6	7
8	Số công trình NS&VSMT NT dự kiến được xây dựng từ nguồn vốn vay NHCSXH					
9	Số hộ nghèo có nhu cầu vay vốn làm nhà ở theo QĐ 33/2015/QĐ-TTg					
10	Số lao động dự kiến được thu hút từ vay vốn giải quyết việc làm					
xx	Tổng số xã trên địa bàn					
T. đò	Số xã thuộc vùng khó khăn					

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

..... ngày tháng Năm
TRƯỞNG BDD HĐQT - NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Thuy

TT	CHỈ TIÊU	Tổng số	Trong đó:												
			Thôn A			Thôn B			Thôn C			Thôn ...			
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
20	Cho vay nhà ở xã hội theo ND 100/2015/NĐ-CP														
21	Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo ND 75/2015/NĐ-CP														
22	Cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg														
23	Cho vay thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965-1975														
24	Cho vay các đối tượng chính sách khác														
B	THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU (Dự kiến năm kế hoạch)														
1	Số hộ dân cư trú trên địa bàn														
<i>T.đó:</i>	<i>Số hộ dân là hộ đồng bào dân tộc thiểu số</i>														
2	Số hộ nghèo theo chuẩn hộ nghèo giai đoạn (2016-2020)														
3	Số hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn (2016-2020)														
4	Số hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2016-2017														
5	Số hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn														
6	Số thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn														
7	Tổng số HSSV theo học các Trường ĐH, CĐ, THCN và dạy nghề														
8	Tổng số lao động có nhu cầu đi lao động có thời hạn ở nước ngoài														
9	Số hộ nghèo có nhu cầu vay vốn làm nhà ở theo QĐ 33/2015/QĐ-TTg														
10	Số lao động dự kiến được thu hút từ vay vốn giải quyết việc làm														
11	Số công trình NS&VSMT NT dự kiến được xây dựng từ nguồn vốn vay NHCSXH														
...														

- Ghi chú:**
1. Nhu cầu vay vốn tín dụng chính sách: thống kê dư nợ của toàn xã đến hết năm kế hoạch
 2. Thôn, xóm, bản, ấp gọi chung là thôn.
 3. Số thứ tự 23 mục A thống kê cho vay các đối tượng chính sách khác: ghi rõ chương trình, dự án (nếu có)

CÁN BỘ TÍN DỤNG THEO DÕI ĐỊA BÀN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngàythángnăm
CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Ký tên, đóng dấu)

Ung

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện đến 31/12/2018	Ước thực hiện đến 31/12/2019	Kế hoạch tín dụng năm 2020			Kế hoạch tín dụng năm 2021			Kế hoạch tín dụng năm 2022			
				Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2019		Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2020		Tổng số	Tăng, giảm so với 31/12/2021		Tăng giảm (+/-) so với năm 2019
					Số quyết đối (+/-)	Số tương đối (%)		Số quyết đối (+/-)	Số tương đối (%)		Số quyết đối (+/-)	Số tương đối (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Số hộ nghèo theo chuẩn giai đoạn (2016-2020)												
-	Số hộ nghèo đang còn dư nợ NHCSXH												
-	Số hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn nhưng chưa được vay vốn NHCSXH												
2	Số hộ cận nghèo theo chuẩn giai đoạn (2016-2020)												
-	Số hộ cận nghèo đang còn dư nợ NHCSXH												
-	Số hộ cận nghèo đủ điều kiện vay vốn nhưng chưa được vay vốn NHCSXH												
3	Số hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2016-2017												
4	Số hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn trên địa bàn												
-	Số hộ gia đình SXKD đang còn dư nợ NHCSXH												
-	Số hộ gia đình SXKD đủ điều kiện vay vốn nhưng chưa được vay vốn NHCSXH												
5	Tổng số HSSV theo học các Trường ĐH, CĐ, THCN và dạy nghề												
-	Số HSSV đang còn dư nợ NHCSXH												
6	Số lao động có nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm												
-	Số lao động được vay vốn giải quyết việc làm trong năm												
7	Tổng số lao động có nhu cầu vay vốn đi lao động có thời hạn ở nước ngoài												
8	Số công trình NS&VSMT NT dự kiến được xây dựng từ nguồn vốn vay NHCSXH												
9	Số hộ nghèo có nhu cầu vay vốn làm nhà ở theo QĐ 33/2015/QĐ-TTg												
10	Số lao động dự kiến được thu hút từ vay vốn giải quyết việc làm												
.....												
xx	Tổng số xã trên địa bàn												
T. đơ	Số xã thuộc vùng khó khăn												

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

..., ngày tháng Năm
TRƯỞNG BDD HĐQT - NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Thuy